

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	PPD+BK6+BK5	7:25	22+0+0	0+0+0		12+6+0	0+0+0	CHUYEN 4 PAX TU BK6- BK5
2	410	TC1+VSP02+PVD2	7:25	3+7+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3	426	P4+BK10+TD5	7:25	18+0+4	0+0+0		15+1+6	0+0+0	
4	846	PVD2+GTCl	9:25	22+0	0+0		19+1	0+0	
5	410	P8+PPD+AMID	9:25	8+13+0	0+0		0+20+1	0+0	
6	426	RP3+RP2	9:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
7	846	P4+BK15+VSP02	11:25	22+0+0	0+0+0		4+2+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/VSP02-5 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2017	TO: PPD - BK6 - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - Luy -	ETA: 09:10
XANH-1		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	PPD	74-75	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ THẾ BÌNH	PPD	72-73	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
3	XAPITONOV IOC	PPD	65	1	10		75	KHI	Russian
4	BERNHIKOVICH V.N	PPD	64	1	10		106	KHI	Russian
5	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	71	1	7		74	KHI	Vietnamese
6	VŨ TÀI QUANG	PPD	58	1	3		80	KHI	Vietnamese
7	ĐÌNH THẾ QUÂN	PPD	70	1	2		70	KHI	Vietnamese
8	PHÙNG QUANG THẮNG	PPD	61	1	5	78	80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD					70	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	67	1	4		80	KHI	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC KHƯƠNG	PPD	55	1	2		60	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN YẾN	PPD	57	1	5		56	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	56	1	3		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HẢO	PPD	59	1	8		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HÀ NINH	PPD	69	1	7		75	KHI	Vietnamese
16	TRẦN SƠN HẢI	PPD	60	1	5		74	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	62	1	3		50	KHI	Vietnamese
18	VŨ ĐÓN LONG	PPD	63	1	6		70	KHI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÙNG	PPD	76-77	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC ANH	PPD	68	1	8		76	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ THANH HIỆU	PPD	66	1	7		68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	134	1.563	78	12		CHUYỂN 04 PAX TỪ BK6 SANG BK5
2	BK6	0	0	0	0	50	6 + 4		
3	BK5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	134	1.563	128	18		
WEIGHT KG				134	1.563	128			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Nov-17	TO: TTC1 - VSP02 - PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN TÂM	TTC1	82	1	10	18	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUÝ TÀI	TTC1	83-84	2	20		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHÍ HIẾU	TTC1	35-36	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC NAM	VSP02					81	VANTAI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TOÀN	VSP02					55	CAM RANH	Vietnamese
6	ĐÔNG XUÂN HAI	VSP02	81	1	10		75	CAM RANH	Vietnamese
7	NGO ĐỨC HIỀN	VSP02					63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẠNH	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TRUNG SONG	VSP02					90	KH-THAC	Vietnamese
10	GEFTMAN	VSP02	80	1	8		102	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN VĂN TIỀN	PVD2	12	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRỌNG TOÀN	PVD2	09	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY TU	PVD2	19-20	2	16		75	KHOAN	Vietnamese
14	DONALD GAY	PVD2	10-11	2	20		143	KHOAN	American
15	NGUYỄN NGỌC QUÝ	PVD2	17-18	2	20		60	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NHẬT MINH	PVD2	16	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG PHONG	PVD2	07-08	2	20		85	KHOAN	Vietnamese
18	LE KHÁC KIẾN	PVD2	15	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
19	TRÌNH HỮU KIẾN	PVD2	21-22	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC NGŨ	PVD2	13	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN DANH PHONG	PVD2	14	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	MẠI QUỐC MINH	PVD2	23	1	9		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	3	5	42	212	18	0		
2	VSP02	7	2	18	528	0	0		
3	PVD2	12	17	144	925	0	22		
TOTAL		22	24	204	1.665	18	22		
WEIGHT KG				204	1.665	18			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2017	TO: P4 - BK10 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUDAKOV A.A	P4	58	1	9		118	KHI	Russian
2	BUI HUU LAN	P4	64	1	5	40	74	KHI	Vietnamese
3	LE VAN HUONG	P4	65	1	3		70	KHI	Vietnamese
4	PHAM VAN QUYEN	P4	62	1	6		74	KHI	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	61	1	4		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CU	P4	55	1	5		76	KHI	Vietnamese
7	HOANG HUY TIEN	P4	66-67	2	10		50	KHI	Vietnamese
8	GIANG THANH TUNG	P4	56	1	5		85	KHI	Vietnamese
9	HOANG THAI DUONG	P4					72	KHI	Vietnamese
10	PHAM DUC HIEP	P4	57	1	3		78	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ANH SON	P4	73	1	8		70	KHI	Vietnamese
12	DO VAN CHIN	P4	63	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	PHAN VAN NGO	P4	59	1	3		50	YTE	Vietnamese
14	PHAM HUU ANH	P4	69	1	5		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THE NAM	P4	70	1	7		54	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN TOAN	P4	68	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
17	TRINH NGOC TU	P4	60	1	5		74	CODIEN	Vietnamese
18	VU MANH DIEP	P4	71-72	2	10		67	CODIEN	Vietnamese
19	QUACH VAN CU	TD5	87	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
20	VU THE HUNG	TD5	88	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
21	LE HUU HAU	TD5	89	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG VAN SON	TD5	86	1	6		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	19	98	1.277	40	15		
2	BK10	0	0	0	0	50	1		
3	TD5	4	4	29	264	0	6		
TOTAL		22	23	127	1.541	90	22		
WEIGHT KG				127	1.541	90			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2017	TO: PVD2 - GTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Luy -	ETA: 11:10
XANH-2		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NGOC MANH	PVD2	40	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH THE	PVD2	44	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM XUAN TIEN	PVD2	61	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DAC KIM	PVD2	42	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CHIEN THANG	PVD2	36	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	LE XUAN TUYEN	PVD2	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	DO MINH THANH	PVD2	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUY NINH	PVD2	43	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	LE NGOC HA	PVD2	41	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	LE QUANG HUNG	PVD2	45	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH THANH TAM	PVD2	55	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VU HAI	PVD2	56-57	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	51-52	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH AN	PVD2	53	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM MINH HOA	PVD2	54	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG DUC BANG	PVD2	37	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THE DANG	PVD2	38	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG CONG DUNG	PVD2	50	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG SON	PVD2	48-49	2	17		49	KHOAN	Vietnamese
21	VO THANH VE	PVD2	39	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
22	LE THANH THAI	PVD2	59-60	2	10		93	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	26	149	1.413	0	19		
2	GTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	149	1.413	0	20		
WEIGHT KG				149	1.413	0			

GRAND TOAL: 1.562 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2017	TO: P8 - PPD - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ANH HUYNH	P8	93	1	9	40	72	DVL	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐAM	P8	97	1	6		71	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÙNG	P8	96	1	12		56	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	P8	25	1	12		65	DVL	Vietnamese
5	LƯU HỒNG THỦ	P8	94	1	7		49	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN SÁNG	P8	95	1	14		69	DVL	Vietnamese
7	PHAN THIÊN SƠN	P8	26-27	2	15		65	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P8	98	1	9		60	DVL	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TOÀN	PPD	86	1	8	55	76	H-DONG	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	99	1	4		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HUY	PPD	92	1	5		59	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	98	1	4		59	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	900	1	3		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUU HANH	PPD	87	1	5		68	H-DONG	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THANG	PPD	88	1	3		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	93	1	9		65	KHI	Vietnamese
17	BUI TẤN HÙNG	PPD	94	1	7		68	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ NGỌC TẤN	PPD	89	1	5		76	KHI	Vietnamese
19	PHẠM PHI BAO	PPD	91	1	4		64	KHI	Vietnamese
20	PHẠM LINH TUNG	PPD	90	1	5		77	KHI	Vietnamese
21	HƯA VĂN NGỌC	PPD	84-85	2	10		75	KHI	Vietnamese
22	ĐỖ SƠN ĐỨC	PPD	83	1	6		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	9	84	507	40	0		
2	PPD	14	15	78	964	55	20		
3	AMD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	162	1.471	95	21		
WEIGHT KG				162	1.471	95			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/11/2017	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - NNam	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IREK VALEEV	RP3	30	1	5		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN HUAN	RP3	11	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH HOAI ĐỨC	RP3	22	1	6		65	KHI	Vietnamese
4	TU NGỌC HAI	RP3	600	1	6		75	KHI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	24	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					84	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	26	1	10		80	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY DŨNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CŨ	RP3	20	1	6	50	58	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	21	1	5		67	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	25	1	6		62	KHI	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH AN	RP3	23	1	12		60	KHI	Vietnamese
14	HỒ CHUNG	RP3	13	1	7		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC THIÊN	RP3	12	1	9		66	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIÊU	RP3	15-16	2	13		73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HOA	RP3	14	1	9		68	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CẢNH TOÀN	RP3	19	1	7		77	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM HAI	RP3	17-18	2	14		67	T-TIN	Vietnamese
20	VU TRONG TU	RP2	70	1	5		57	HDONG	Vietnamese
21	LA XUAN THANG	RP2	69	1	5		59	HDONG	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUNG	RP2	71	1	10		54	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	18	128	1.330	50	17		
2	RP2	3	3	20	170	0	5		
TOTAL		22	21	148	1.500	50	22		
WEIGHT KG				148	1.500	50			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Nov-17	TO: P4 - BK15 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Luy -	ETA: 13:10
XANH-3		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUÂN HAI	P4	93-94	2	7		66	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ ANH TUẤN	P4	87	1	5		69	CODIEN	Vietnamese
3	LƯU VĂN DAN	P4	95	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG HUU TRONG	P4	96	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG THAI	P4	90	1	5		65	KHI	Vietnamese
6	VŨ NGỌC TUẤN	P4	84	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	P4	86	1	10		73	KHI	Vietnamese
8	BUI ĐĂNG TIEN	P4	83	1	14		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG NAM	P4	92	1	10		64	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN MẠNH TOÀN	P4	91	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	P4	85	1	10		75	KHI	Vietnamese
12	VŨ VĂN TIEN	P4	88	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN THUAT	P4	78	1	10		72	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ TRUNG SỸ	P4	89	1	10		66	KHI	Vietnamese
15	LÊ HỒNG KỶ	P4	79	1	10		51	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	P4	77	1	7		62	KHI	Vietnamese
17	HOANG THAI TAI	P4	400,59	2	14	27	64	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẶNG THĂNG LONG	P4	76	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MINH TÂM	P4	97-99	3	13		61	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P4	80	1	3		63	PSV	Vietnamese
21	LÊ HỒNG TRIEU	P4	81	1	12		61	H-DONG	Vietnamese
22	NGUYEN ANH THANG	P4	82	1	7		54	H-DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	26	185	1.445	27	4		
2	BK15	0	0	0	0	0	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	26	185	1.445	27	11		
WEIGHT KG				185	1.445	27			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	P11+P8+CLO	7:25	4+11+7	0+0+0		1+11+10	0+0+0	
2	846	TD1+MRM	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
3	410	P1+Rp1+MRM	7:25	5+0+16	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
4	406	P6+CLO	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
5	846	TD1+CLO+TD3	9:25	19+3+0	0+0+0		14+2+6	0+0+0	Chuyen 1 pax tu TD1-CLO

TTBDSX

Ghi Chú : 1/2 NGUOI TD5 VỀ BỜ QUA TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2017	TO: P11 - P8 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC KHOA	P11	80-81	2	15	25	85	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN DUC DUONG	P11	76-77	2	11		74	CODIEN	Vietnamese
3	DOAN TUAN DUONG	P11	78	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN XUAN TRUONG	P11	79	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN CONG KHOAI	P8	37	1	10	40	60	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VAN THIET	P8	36	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HUNG	P8	35	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN MINH	P8	31-32	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM DINH HUNG	P8	33	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN THANH	P8	34	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
11	VOROBIEV S.L	CLO	55	1	8	40	95	KHOAN	Russian
12	SADOZNIKOV ALEKSANDER	CLO	54	1	2		126	KHOAN	Russian
13	NGUYEN VAN LUC	CLO	49	1	2		70	PSV	Vietnamese
14	DATSKO P.D	CLO	50-51	2	17		114	KHOAN	Russian
15	TELESHENKO I.A	CLO	45	1	8	21	120	KHOAN	Russian
16	TRAN TRUNG THANH	CLO	46	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	CLO	52-53	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
18	DOAN MANH CUONG	CLO				40	70	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	6	36	301	25	1		THAO 2 GHE DOI DE CHO CANG.
2	P8	6	7	78	410	40	6		
3	CLO	8	9	62	742	101	11		
TOTAL		18	22	176	1.453	166	18		
WEIGHT KG				176	1.453	166			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08-Nov-17	TO: TD1 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	66	1	5		110	KHOAN	Russian
2	NGO DUY NGOC	TD1	72	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN UAN	TD1	62	1	6		58	PSV	SRV
4	NGUYEN NGOC PHU	TD1	63	1	2		60	PSV	Vietnamese
5	HA VAN THIEU	TD1	64	1	5		62	PSV	Vietnamese
6	VU DINH PHONG	TD1	76	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
7	LE TRONG LUONG	TD1	69	1	2	90	60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUY	TD1	80	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	65	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM XUAN HIEU	TD1	74	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUAN	TD1	79	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HOAN	TD1	75	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN THUONG	TD1	78	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN DUY	TD1	73	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
16	LE XUAN THANG	TD1	70-71	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH HUU HUNG	TD1	77	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VAN LOI	TD1	67-68	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
19	ALEXANDER POPOV	MRM	32	1	7		85	KHOAN	Russian
20	ZHUIKO VALERII	MRM	36	1	6		100	KHOAN	Russian
21	POLIAKOV IVAN	MRM	33-35	3	15		80	KHOAN	Russian
22	SALOMATIN SERGEI	MRM	37	1	7		100	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	19	97	1.260	130	13		
2	MRM	4	6	35	365	0	9		
TOTAL		22	25	132	1.625	130	22		
WEIGHT KG				132	1.625	130			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2017	TO: P1 - RP1 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH THANG	P1	79	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM NGOC DINH	P1	82-83	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN DUC HUNG	P1	80-81	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG THANH SON	P1	78	1	11	65	59	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VI	P1	88-89	2	13	20	80	XAYLAP	Vietnamese
6	DAO VIET VAN	MRM	14	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG CÔNG THỊNH	MRM	13	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	SUSTAVOV	MRM	05	1	5		109	KHOAN	Russian
9	RATUSHNY EVGE	MRM	03-04	2	12		80	KHOAN	Russian
10	PETRUNKO IVAN	MRM	06	1	15		115	KHOAN	Russian
11	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	19-20	2	10		85	KHOAN	Russian
12	OGANIAN GRIGORII	MRM	10-11	2	17		95	KHOAN	Russian
13	ELISEEV SERGEI	MRM	08	1	13		80	KHOAN	Russian
14	ZABRODIN PETR	MRM	09	1	11		80	KHOAN	Russian
15	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	07	1	15		108	KHOAN	Russian
16	LE MINH LOI	MRM	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	BUI HUU LOI	MRM	23	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGO THANH BANG	MRM	22	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN TRUNG THANH	MRM	21	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
20	CHAU PHAN MINH NHAT	MRM	15-16	2	16		71	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN ANH QUYẾT	MRM	17-18	2	13		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	8	67	338	85	3		
2	RP1	0	0	0	0	0	3		
3	MRM	16	21	167	1.331	0	16		
TOTAL		21	29	234	1.669	85	22		
WEIGHT KG				234	1.669	85			

GRAND TOAL: 1.988 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2017	TO: P6 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOSTIKIN	P6	53	1	14	40	130	NIPI	Russian
2	MERZLIKIN	P6	54	1	5		84	NIPI	Russian
3	NGUYEN TIEN SINH	CLO	18	1	4	20	65	KHOAN	Vietnamese
4	VU NGOC LUAN	CLO					84	KHOAN	Vietnamese
5	MAI VAN HOI	CLO	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	CHU ĐỨC AI	CLO	06	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THAI ANH	CLO					84	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	14	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRAN NAM	CLO	13	1	13		62	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH DUY THANH	CLO	05	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG ĐẠI TRAO	CLO	16-17	2	12		73	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN THANH TỊNH	CLO	12	1	15		73	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	CLO	07	1	4		98	PSV	Vietnamese
14	LÊ MINH MINH	CLO	02	1	3		66	PSV	Vietnamese
15	MAI TÚ HẢI	CLO	08	1	6		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO					69	PSV	Vietnamese
17	VU MẠNH HƯƠNG	CLO	09	1	4		50	PSV	Vietnamese
18	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	03	1	5		84	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUẤN	CLO	11	1	2		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	15	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	10	1	5		73	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN THỊNH	CLO	01	1	3		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	2	2	19	214	40	0		
2	CLO	20	18	99	1.457	20	22		
TOTAL		22	20	118	1.671	60	22		
WEIGHT KG				118	1.671	60			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2017	TO: TD1 - CLO - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - DKHÁNH	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD1	13	1	12		54	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD1	18	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD1	19	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ HỮU KÊ	TD1	23-24	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
5	HA KHƯƠNG DUY	TD1	26	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN CƯỜNG	TD1	25	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀNG	TD1	12	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ HỒNG ĐỨC	TD1	17	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
9	HOÀNG MINH PHONG	TD1	10	1	5		67	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN BÂY	TD1	09	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	14	1	2		67	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD1	20	1	7		77	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	08	1	3		67	PSV	Vietnamese
14	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	21-22	2	11	20	65	PSV	Vietnamese
15	ĐÀU VIỆT BẠC	TD1	15	1	3		73	PSV	Vietnamese
16	PHAN VĂN AN	TD1	28	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	BUI ĐỨC ANH	TD1	29	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI TRUNG	TD1	16	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC SÁU	TD1	11	1	5		57	PSV	Vietnamese
20	NGÔ ĐỨC HOÀI	CLO	61	1	7		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ANH	CLO	60	1	8		80	PSV	Vietnamese
22	LẠI VĂN THANH	CLO	59	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	21	128	1.252	20	14	2	CHUYEN 1 PAX TD1-CLO
2	CLO	3	3	20	203	0	2		
3	TD3	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	24	148	1.455	20	22		
WEIGHT KG				148	1.455	20			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN